

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 32

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 06 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ, trong đó lần thứ 06 vào ngày 7 tháng 9 năm 2018 do thay đổi vốn điều lệ.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 02383.739.739

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2022

**Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	Ngày 16 tháng 7 năm 2022
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 9 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2017
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 4 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2021).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

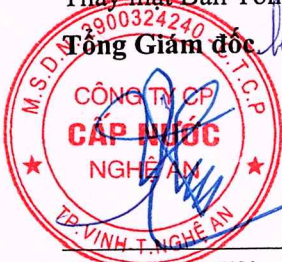
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Văn Hải**

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0172/23/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Ngày 17/10/2022, chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty (kiểm toán năm đầu tiên). Chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2021 và cũng không thực hiện được các thủ tục bổ sung, thay thế khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 31/12/2021. Do số dư hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không.

Do hạn chế từ đơn vị, chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 và cũng không thực hiện được các thủ tục bổ sung, thay thế khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các khoản mục đã nêu, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí nước thô phải trả Nhà cung cấp nước thô trên khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”, số tiền 99.239.825.685 VND (*Thuyết minh V.16 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính*) và khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, số tiền 85.718.896.298 VND (*Thuyết minh V.18 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính*). Giữa Công ty và Nhà cung cấp nước thô đang xảy ra tranh chấp liên quan đến việc áp dụng đơn giá nước và vụ việc đang được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý. Chúng tôi không có đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra ý kiến về các số dư phải trả này, cũng như chi phí nước thô Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, số tiền 31.590.000.000 VND.

Công ty đang ghi nhận khoản “Người mua trả tiền trước” của Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng huyện Hưng Nguyên, số tiền 7.535.000.000 VND, là khoản ứng trước theo Hợp đồng số 158/2020/HĐ-GPMB ngày 21/9/2020 về việc di dời hệ thống cấp nước đoạn qua địa bàn xã Hưng Đạo và xã Hưng Tây để phục vụ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017-2020. Theo quy định hợp đồng, khi hoàn thành giai đoạn thi công, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán, Ban quản lý sẽ thanh toán cho Công ty không quá 95% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn hoàn thành bàn giao theo thỏa thuận là 24/12/2020, mỗi ngày chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng. Đến ngày 30/11/2021, Ban quản lý đã thanh toán cho Công ty 94,8% giá trị hợp đồng. Căn cứ điều khoản hợp đồng, công việc đã bị trễ tiến độ hơn 24 tháng, tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp Biên bản làm việc hoặc thỏa thuận gia hạn giữa các bên. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá liệu Công ty có phải chịu khoản phạt do chậm tiến độ hợp đồng hay không.

Khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2022 đang bao gồm giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m<sup>2</sup> tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền 5.690.000.000 VND được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý cũng như khả năng thu hồi các khoản phải thu này.

Một số sai sót kế toán chưa được Công ty điều chỉnh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, bao gồm: (i) Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu lâu ngày, số dự phòng cần trích lập bổ sung theo ước tính của kiểm toán viên là 1.872.794.370 VND; (ii) Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến ống DN300 lên DN1000 khu đô thị VSIP, Hưng Nguyên, nguyên giá 20.105.876.354 VND hình thành từ năm 2021, đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định nhưng Công ty đã ghi nhận vào “Chi phí trả trước dài hạn” năm 2021 và đến 31/12/2022 mới điều chỉnh sang “Tài sản cố định hữu hình”, và xác định lại (kéo dài) thời gian phân bổ/khấu hao đối với tài sản này. Chi phí phân bổ/khấu hao năm 2021 giảm do xác định lại thời gian phân bổ/khấu hao đang được Công ty ghi nhận giảm toàn bộ vào chi phí năm nay, số tiền 3.696.872.923 VND, thay vì phải điều chỉnh hồi tố và xác định lại kết quả kinh doanh năm trước/năm nay.

#### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 3 năm 2022 có dạng ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận khoản chi phí nước thô còn phải trả tính đến 31/01/2021 với số tiền 99.239.825.685 VND trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1  
Người được ủy quyền  
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023



**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>285.822.560.190</b>	<b>313.646.233.255</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>67.137.934.352</b>	<b>62.538.512.710</b>
1. Tiền	111		51.407.292.033	21.475.602.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.730.642.319	41.062.910.128
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>109.899.339.288</b>	<b>130.715.667.416</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	109.899.339.288	130.715.667.416
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.275.352.160</b>	<b>66.495.841.739</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.132.936.825	17.624.477.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.655.305.368	37.810.285.729
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.052.849.783	27.626.818.594
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.565.739.816)	(16.565.739.816)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>71.832.511.948</b>	<b>49.410.100.784</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	71.832.511.948	49.410.100.784
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.677.422.442</b>	<b>4.486.110.606</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.677.422.442	4.484.110.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	2.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>577.979.740.846</b>	<b>534.532.746.853</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>526.544.513.586</b>	<b>453.905.068.615</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	526.432.040.758	453.768.085.151
<i>Nguyên giá</i>	222		1.213.706.938.088	1.081.464.145.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(687.274.897.330)	(627.696.060.151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	112.472.828	136.983.464
<i>Nguyên giá</i>	228		518.800.000	518.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(406.327.172)	(381.816.536)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.11	<b>19.733.393.505</b>	<b>34.873.530.716</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.733.393.505	34.873.530.716
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.790.916.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.790.916.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.410.917.755</b>	<b>45.254.147.522</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	17.410.917.755	45.254.147.522
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>863.802.301.036</b>	<b>848.178.980.108</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>483.914.060.006</b>	<b>472.610.391.642</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>304.568.353.651</b>	<b>266.610.488.214</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	57.291.896.271	41.019.410.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.596.528.577	10.098.258.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	567.992.131	444.276.984
4. Phải trả người lao động	314		14.891.282.400	13.941.657.129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.672.369.074	2.669.003.592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	104.996.811.405	104.916.905.652
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	26.666.035.235	38.740.832.321
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	85.718.896.298	54.128.896.298
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.166.542.261	651.247.223
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>179.345.706.355</b>	<b>205.999.903.428</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	179.345.706.355	205.999.903.428
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>379.888.241.029</b>	<b>375.568.588.465</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>379.888.241.029</b>	<b>375.568.588.465</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.193.463.427	387.191.996
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.834.947.602	1.321.566.469
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.321.566.469
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.834.947.602	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>863.802.301.036</b>	<b>848.178.980.108</b>

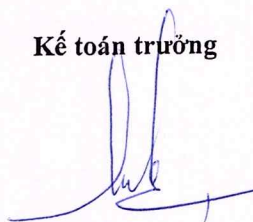
Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	281.942.387.493	271.943.547.042
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.019.047	16.608.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		281.934.368.446	271.926.938.081
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	214.505.259.027	212.430.914.688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.429.109.419	59.496.023.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.869.613.165	6.358.184.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.424.718.351	12.969.722.299
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.095.739.514	11.834.896.228
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19.212.534.290	17.539.659.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	39.882.446.594	33.392.001.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.779.023.349	1.952.824.294
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.475.287.372	2.803.715.815
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.139.567.907	3.324.941.664
13. Lợi nhuận khác	40		1.335.719.465	(521.225.849)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.114.742.814	1.431.598.445
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.279.795.212	286.498.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.834.947.602</u>	<u>1.145.100.085</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>71</u>	<u>17</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>71</u>	<u>17</u>

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		322.052.399.104	310.949.801.433
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(87.194.632.422)	(143.492.934.806)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(62.759.771.646)	(52.384.965.005)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.978.405.172)	(12.077.732.957)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(1.070.539.711)	(405.136.878)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.791.748.155	843.404.955
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(47.346.631.103)	(16.850.735.679)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>115.494.167.205</b>	<b>86.581.701.063</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(99.591.283.172)	(48.128.696.629)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(41.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.816.328.128	10.558.147.038
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.950.011.192	1.370.024.417
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(71.824.943.852)</b>	<b>(77.800.525.174)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	12.155.564.765
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(39.069.801.711)	(26.621.559.638)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(39.069.801.711)</b>	<b>(14.465.994.873)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.599.421.642</b>	<b>(5.684.818.984)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>62.538.512.710</b>	<b>68.223.331.694</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>67.137.934.352</b>	<b>62.538.512.710</b>

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh



Hoàng Văn Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh nước sạch.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 462 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 474 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch nợ phải trả bằng ngoại tệ được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng có số dư vay gốc ngoại tệ.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 39
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6
Tài sản cố định khác	13

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán nước sạch*

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.531.604.111	1.472.777.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.875.687.922	20.002.825.464
Các khoản tương đương tiền	15.730.642.319	41.062.910.128
<b>Cộng</b>	<b><u>67.137.934.352</u></b>	<b><u>62.538.512.710</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 3,7% đến 5%, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 26/8/2021, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 21/QĐ-HĐQT về việc mua cổ phần đấu giá công khai của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An, số lượng cổ phần tham gia đấu giá 793.917 cổ phần. Theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 20/9/2021 về việc chấp thuận kết quả mua cổ phiếu đấu giá công khai của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An, số lượng cổ phần trúng đấu giá là 345.181 cổ phần, giá mua 36.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị trúng đấu giá 12.426.516.000 VND.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (Tại ngày 01/01/2022, Công ty theo dõi khoản đầu tư này tại khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" (xem Thuyết minh V.5a)).

##### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính, do đó, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

##### Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của CNA để xem xét trích lập dự phòng. Theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất, tại ngày 31/12/2021, CNA có lỗ lũy kế 2.819.036.405 VND. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng theo Báo cáo tài chính này.

hl

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân xã Thanh Tường	1.309.272.998	1.309.272.998
Công trình Hồ Bá Hạp	2.197.138.000	2.197.138.000
BQL dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	1.004.529.000
BQL dự án Đầu tư xây dựng cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	3.069.641.000
Ủy ban nhân dân xã Nghi Kim- Nghi Lộc	1.554.035.000	1.554.035.000
Các khách hàng khác	8.998.320.827	8.489.861.234
<b>Cộng</b>	<b>18.132.936.825</b>	<b>17.624.477.232</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khánh Hòa	2.130.186.700	6.714.294.700
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thanh Hóa	-	1.081.670.000
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ CDT	-	2.949.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dũng Thủy	-	2.039.670.000
Công ty TNHH TK Cộng	1.591.428.000	15.832.597.000
Các nhà cung cấp khác	6.189.690.668	9.193.054.029
<b>Cộng</b>	<b>10.655.305.368</b>	<b>37.810.285.729</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.901.800.931	-	2.024.033.892	-
Tạm ứng	6.892.927.062	(616.038.012)	7.012.172.601	(616.038.012)
Tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Tổng Công ty chè Nghệ An <sup>(i)</sup>	-	-	12.426.516.000	-
Quyền sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định 297/QĐ-UBND <sup>(ii)</sup>	5.690.610.000	-	5.690.610.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.567.511.790	(317.132.368)	473.486.101	(317.132.368)
<b>Cộng</b>	<b>16.052.849.783</b>	<b>(933.170.480)</b>	<b>27.626.818.594</b>	<b>(933.170.480)</b>

<sup>(i)</sup> Xem thuyết minh V.2b.

<sup>(ii)</sup> Giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m<sup>2</sup> tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Hiện tại, Công ty đang làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù.

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

### 6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã trích lập 100%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>14.456.570.172</b>	<b>(14.456.570.172)</b>	<b>14.456.570.172</b>	<b>(14.456.570.172)</b>
UBND xã Thanh Trường	1.309.272.998	(1.309.272.998)	1.309.272.998	(1.309.272.998)
Công trình Hồ Bá Hạp	2.197.138.000	(2.197.138.000)	2.197.138.000	(2.197.138.000)
Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đôn Phục, Con Cuông	704.000.000	(704.000.000)	704.000.000	(704.000.000)
Ban quản lý dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	(1.004.529.000)	1.004.529.000	(1.004.529.000)
Ban quản lý dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	(3.069.641.000)	3.069.641.000	(3.069.641.000)
UBND Thị trấn Quán Hành	768.819.000	(768.819.000)	768.819.000	(768.819.000)
UBND xã Nghi Kim - Nghi Lộc	1.554.035.000	(1.554.035.000)	1.554.035.000	(1.554.035.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	3.849.135.174	(3.849.135.174)	3.849.135.174	(3.849.135.174)
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>933.170.480</b>	<b>(933.170.480)</b>	<b>933.170.480</b>	<b>(933.170.480)</b>
Hồ Thị Liên	302.237.000	(302.237.000)	302.237.000	(302.237.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	630.933.480	(630.933.480)	630.933.480	(630.933.480)
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.175.999.164</b>	<b>(1.175.999.164)</b>	<b>1.175.999.164</b>	<b>(1.175.999.164)</b>
Công ty Cổ phần xây dựng & Thương mại Đại Hùng	311.700.000	(311.700.000)	311.700.000	(311.700.000)
Ban quản lý dự án cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	214.239.329	(214.239.329)	214.239.329	(214.239.329)
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	(309.668.000)	309.668.000	(309.668.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	340.391.835	(340.391.835)	340.391.835	(340.391.835)
<b>Cộng</b>	<b>16.565.739.816</b>	<b>(16.565.739.816)</b>	<b>16.565.739.816</b>	<b>(16.565.739.816)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.565.739.816	14.569.555.064
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.996.184.752
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.565.739.816</b>	<b>16.565.739.816</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.107.864.655	-	44.202.828.534	-
Công cụ, dụng cụ	7.134.074.790	-	5.181.057.020	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.590.572.503	-	26.215.230	-
Dự án Đầu tư và XD huyện Hưng Nguyên (xem Thuyết minh V.13)	4.564.357.273	-	-	-
Dự án khác	26.215.230	-	26.215.230	-
<b>Cộng</b>	<b>71.832.511.948</b>	<b>-</b>	<b>49.410.100.784</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.027.620.346	3.359.778.078
Chi phí sửa chữa TSCĐ	11.533.297.409	40.343.648.206
Chi phí quản lý dự án của dự án giảm thất thoát	-	1.474.471.232
Các chi phí trả trước dài hạn khác	850.000.000	76.250.006
<b>Cộng</b>	<b><u>17.410.917.755</u></b>	<b><u>45.254.147.522</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	506.374.334.220	109.699.624.657	460.577.542.341	572.975.000	4.239.669.084	1.081.464.145.302
Mua trong năm	-	208.190.000	5.967.177.778	-	-	6.175.367.778
Đầu tư XDCB hoàn thành	90.616.231.559	470.992.794	20.204.161.477	-	-	111.291.385.830
Tăng khác (*)	-	-	20.105.876.354	-	-	20.105.876.354
Thanh lý (**)	(5.329.837.176)	-	-	-	-	(5.329.837.176)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>591.660.728.603</u></b>	<b><u>110.378.807.451</u></b>	<b><u>506.854.757.950</u></b>	<b><u>572.975.000</u></b>	<b><u>4.239.669.084</u></b>	<b><u>1.213.706.938.088</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	26.233.177.449	103.106.871.527	46.637.280.761	572.975.000	-	176.550.304.737
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	230.868.640.982	105.949.568.783	287.101.362.170	526.474.984	3.250.013.232	627.696.060.151
Khấu hao trong năm	30.365.374.533	1.301.745.810	24.345.473.035	46.500.016	339.173.532	56.398.266.926
Tăng khác (*)	-	-	7.705.193.594	-	-	7.705.193.594
Thanh lý (**)	(4.524.623.341)	-	-	-	-	(4.524.623.341)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>256.709.392.174</u></b>	<b><u>107.251.314.593</u></b>	<b><u>319.152.028.799</u></b>	<b><u>572.975.000</u></b>	<b><u>3.589.186.764</u></b>	<b><u>687.274.897.330</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	275.505.693.238	3.750.055.874	173.476.180.171	46.500.016	989.655.852	453.768.085.151
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>334.951.336.429</u></b>	<b><u>3.127.492.858</u></b>	<b><u>187.702.729.151</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>650.482.320</u></b>	<b><u>526.432.040.758</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(\*) Tăng khác trong năm là việc điều chỉnh Nguyên giá của "CT cải tạo, nâng cấp tuyến ống DN300 lên DN1000 để cung cấp nước cho KĐT VSIP, nhân dân TT Hưng Nguyên" từ Công cụ dụng cụ sang Tài sản cố định.

(\*\*) Thanh lý trong năm bao gồm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>
Giá trị còn lại Tòa nhà văn phòng cũ, phá dỡ để xây mới	(4.392.397.176)	(3.884.631.421)
Giá trị còn lại Nhà làm việc xí nghiệp Xây lắp, phá dỡ để xây mới	(937.440.000)	(821.176.176)
<b>Cộng</b>	<b><u>(5.329.837.176)</u></b>	<b><u>(4.705.807.597)</u></b>

hl

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	518.800.000	(381.816.536)	136.983.464
Khấu hao trong năm	-	(24.510.636)	(24.510.636)
<b>Số cuối năm</b>	<b>518.800.000</b>	<b>(406.327.172)</b>	<b>112.472.828</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.800.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy nước Hưng Nguyên	-	14.363.943.503
Dự án sửa chữa bể chứa nước sạch Nhà máy nước Hưng Nguyên	-	10.804.164.546
Dự án Trụ sở văn phòng công ty	-	8.746.868.421
Lắp đặt tuyến ống gang DN300, đường liên xã Đức Thiết cấp nước cho xã Nghi Thịnh, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	5.979.585.092	-
Các công trình khác	13.753.808.413	958.554.246
<b>Cộng</b>	<b>19.733.393.505</b>	<b>34.873.530.716</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hà Huy	4.085.678.000	4.085.678.000
Dự án hồ lắng bùn Hưng Vĩnh	2.574.854.000	2.574.854.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Đông Đô	199.473.120	1.081.975.870
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	5.429.486.780	2.379.155.600
Công ty TNHH XNK và Đầu tư Phương Thủy	5.011.735.001	3.744.216.719
Công ty TNHH Xây dựng Lộc Toàn	-	1.693.967.463
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô Thị Vinh	8.182.575.503	7.764.001.327
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Nam Nghệ An	10.142.685.000	-
Các nhà cung cấp khác	21.665.408.867	17.695.561.547
<b>Cộng</b>	<b>57.291.896.271</b>	<b>41.019.410.526</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Hưng Nguyên <sup>(1)</sup>	7.535.000.000	7.535.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Hậu	12.203.000	354.242.000
Chi nhánh công ty CP XD đầu tư cơ sở hạ tầng Phú Thọ	567.000.000	-
Các khách hàng khác	3.482.325.577	2.209.016.489
<b>Cộng</b>	<b>11.596.528.577</b>	<b>10.098.258.489</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<sup>(i)</sup> Ứng trước theo Hợp đồng số 158/2020/HĐ-GPMB ngày 21/9/2020 về việc Di dời hệ thống cấp nước đoạn qua địa bàn xã Hưng Đạo và xã Hưng Tây để phục vụ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017-2020. Theo quy định hợp đồng, khi hoàn thành giai đoạn thi công, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán, Ban quản lý sẽ thanh toán cho Công ty không quá 95% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn hoàn thành bàn giao theo thỏa thuận là 24/12/2020, mỗi ngày chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng. Hiện tại, Ban quản lý đã thanh toán cho Công ty 94,8% giá trị hợp đồng. Các bên chưa có Biên bản làm việc hoặc thỏa thuận gia hạn về việc nghiệm thu, phạt chậm tiến độ (nếu có).

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số phải nộp cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.816.848.049	(2.816.848.049)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.371.292.370	(2.371.292.370)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.368.759	-	1.279.795.212	(1.070.539.711)	241.624.260
Thuế thu nhập cá nhân	63.672.833	-	93.493.650	(128.672.833)	28.493.650
Thuế tài nguyên	35.040.310	-	116.552.880	(142.327.560)	9.265.630
Thuế nhà đất	-	-	141.542.697	(141.542.697)	-
Thuế bảo vệ môi trường	313.195.082	-	3.805.899.051	(3.830.485.542)	288.608.591
Thuế cấp quyền khai thác nguồn nước	-	-	89.191.421	(89.191.421)	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	29.000.000	(27.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>444.276.984</b>	<b>2.000.000</b>	<b>10.743.707.730</b>	<b>(10.617.900.183)</b>	<b>567.992.131</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch	5%
- Các dịch vụ khác	10%

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.114.742.814	1.431.598.445
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	272.083.247	893.357
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.386.826.061	1.432.491.802
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.277.365.212	286.498.360
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.430.000	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.279.795.212</b>	<b>286.498.360</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khoáng sản như sau:

<u>Khoáng sản</u>	<u>Giá tính thuế đơn vị tài nguyên</u>	<u>Thuế suất</u>
- Nước mặt	2.000 VND/m <sup>3</sup>	1%
- Nước dưới đất (nước ngầm)	5.000 VND/m <sup>3</sup>	5%

### **Tiền thuê đất**

Theo thông báo số 1475/TB-CT ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 145.195,9 m<sup>2</sup> được nhà nước giao sử dụng (có thu tiền thuê đất) tại các địa điểm sản xuất, kinh doanh của công ty trên địa bàn tỉnh Nghệ An số tiền 1.196.228.000 VND được miễn giảm 1.088.917.000 VND. Số tiền phải nộp trong năm 2022 là 107.311.000 VND.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## **15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.204.694.490	2.087.360.148
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	368.767.308	336.403.444
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	98.907.276	245.240.000
<b>Cộng</b>	<b>1.672.369.074</b>	<b>2.669.003.592</b>

## **16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	212.301.042	203.437.742
Bảo hiểm xã hội	52.054.459	60.102.152
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.093.622	324.215.770
Phải trả liên doanh Vatech Wabag Wassenco	377.466.458	377.466.458
Phải trả liên doanh Yietc constrexim Holdings	256.204.277	256.204.277
Phải trả ông Phan Văn Quế tiền vay vốn	1.100.592.274	1.100.592.274
Phải trả phí bảo vệ môi trường	261.043.162	731.859.613
Phải trả phí thoát nước	224.376.180	213.283.489
Phải trả về chi phí nước thô <sup>(i)</sup>	99.239.825.685	99.239.825.685
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.829.554.246	2.395.618.192
<b>Cộng</b>	<b>104.996.811.405</b>	<b>104.916.905.652</b>

<sup>(i)</sup> Xem Thuyết minh V.18.

## **17. Vay**

### **17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh London <sup>(i)</sup>	-	12.155.564.765
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	26.666.035.235	26.585.267.556



lll

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Bộ Tài chính - Dự án Vinh	9.552.093.004	9.552.093.004
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước	80.767.679	-
<b>Cộng</b>	<b><u>26.666.035.235</u></b>	<b><u>38.740.832.321</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Shinhan Chi nhánh London theo các tài khoản tái cấp vốn, qua hồ sơ thu phí của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Vinh với số tiền vay bằng ngoại tệ, số tiền 527.928,98 USD để trả tiền mua ống gang và phụ kiện nhập khẩu, kỳ hạn 360 ngày, lãi suất 2,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.155.564.765	-	(12.484.534.155)	328.969.390	-
Vay dài hạn đến hạn trả	26.585.267.556	26.666.035.235	(26.585.267.556)	-	26.666.035.235
<b>Cộng</b>	<b><u>38.740.832.321</u></b>	<b><u>26.666.035.235</u></b>	<b><u>(39.069.801.711)</u></b>	<b><u>328.969.390</u></b>	<b><u>26.666.035.235</u></b>

### 17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Bộ Tài chính - Dự án Vinh <sup>(ii)</sup>	33.282.922.999	42.835.016.003
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh <sup>(iii)</sup>	144.781.983.708	161.815.158.260
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án giảm thất thoát nước <sup>(iv)</sup>	1.280.799.648	1.349.729.165
<b>Cộng</b>	<b><u>179.345.706.355</u></b>	<b><u>205.999.903.428</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008.
- (iii) Hợp đồng vay vốn ODA số 63/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam; Chênh lệch tỷ giá hàng năm Công ty ghi nhận tăng thêm dư nợ gốc vay; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691 VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của ngân hàng ADB. Số dư tại thời điểm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lư, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

31/12/2021 là phí cam kết khoản vay phải trả 1.349.729.165 VND. Đến thời điểm 31/12/2021 khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	26.666.035.235	38.740.832.321
Trên 1 năm đến 5 năm	102.696.420.855	107.690.799.368
Trên 5 năm	76.649.285.500	98.309.104.060
<b>Cộng</b>	<b><u>206.011.741.590</u></b>	<b><u>244.740.735.749</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	205.999.903.428	232.621.463.066
Chênh lệch tỷ giá	11.838.162	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	<u>(26.666.035.235)</u>	<u>(26.621.559.638)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>179.345.706.355</u></b>	<b><u>205.999.903.428</u></b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải trả chi phí nước thô	85.718.896.298	54.128.896.298

(\*) Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/12/2022 phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục "Dự phòng phải trả ngắn hạn", xác định trên cơ sở lượng nước thô cấp cho sản xuất.

Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 31/01/2021 về trước phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác", số tiền 99.239.825.685 VND (xem Thuyết minh V.16), đơn giá 1.950 VND/m<sup>3</sup> trên cơ sở Hợp đồng cung cấp nước thô số 04/2015/HĐ-MBNT ngày 04/02/2015 với Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam. Theo quan điểm của Ban lãnh đạo Công ty, Hợp đồng này dựa trên Thỏa thuận thực hiện cấp nước thô ký giữa UBND Tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam đã bị hủy bỏ nên Hợp đồng cũng không còn hiệu lực và hai bên cần đàm phán ký kết lại Hợp đồng mới. Sau nhiều lần hai bên làm việc không có kết quả, Công ty đã có Văn bản số 15/CNNA-KH ngày 18/01/2021 gửi Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam về việc đề nghị mua nước thô với mức giá hợp lý hơn. Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam không đồng ý với mức giá này và đã khởi kiện vụ việc này ra Tòa án. Hiện Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý vụ kiện và vẫn chưa có phán quyết cuối cùng.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	612.426.665	515.295.038	-	1.127.721.703
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	-	284.327
<b>Cộng</b>	<b><u>651.247.223</u></b>	<b><u>515.295.038</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.166.542.261</u></b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	373.859.830.000	-	880.451.831	374.740.281.831
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.145.100.085	1.145.100.085
Trích lập các quỹ	-	387.191.996	(703.985.447)	(316.793.451)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>387.191.996</b>	<b>1.321.566.469</b>	<b>375.568.588.465</b>
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	387.191.996	1.321.566.469	375.568.588.465
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	4.834.283.863	4.834.283.863
Trích lập các quỹ	-	806.271.431	(1.321.566.469)	(515.295.038)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>1.193.463.427</b>	<b>4.834.283.863</b>	<b>379.887.577.290</b>

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Cổ đông khác	128.162.070.000	128.162.070.000
<b>Cộng</b>	<b>373.859.830.000</b>	<b>373.859.830.000</b>

**20c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2022 như sau:

	<b>VND</b>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 806.271.431
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 515.295.038

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu kinh doanh nước sạch	275.641.958.259	262.646.481.958
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	5.023.550.093	8.046.938.091
Doanh thu khác	1.276.879.141	1.250.126.993
<b>Cộng</b>	<b>281.942.387.493</b>	<b>271.943.547.042</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh nước sạch	212.272.625.640	209.359.763.048
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	2.232.633.387	3.071.151.640
<b>Cộng</b>	<b><u>214.505.259.027</u></b>	<b><u>212.430.914.688</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.827.778.231	6.331.609.329
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.834.934	26.575.058
<b>Cộng</b>	<b><u>6.869.613.165</u></b>	<b><u>6.358.184.387</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.095.739.514	11.834.896.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	328.969.390	1.134.813.485
Chi phí tài chính khác	9.447	12.586
<b>Cộng</b>	<b><u>10.424.718.351</u></b>	<b><u>12.969.722.299</u></b>

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.270.467.535	14.664.158.300
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.226.082.529	988.929.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.013.386	1.569.457.021
Các chi phí khác	941.970.840	317.115.000
<b>Cộng</b>	<b><u>19.212.534.290</u></b>	<b><u>17.539.659.664</u></b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.167.835.703	21.957.921.686
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.711.867.412	330.365.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.388.474.226	281.534.424
Thuế, phí và lệ phí	881.632.498	203.862.486
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	-	1.996.184.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.216.225.520	2.567.359.833
Các chi phí khác	6.516.411.235	6.054.772.376
<b>Cộng</b>	<b><u>39.882.446.594</u></b>	<b><u>33.392.001.523</u></b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.424.945.454	-
Tiền đền bù trạm Quang Trung	-	1.902.531.000
Chi phí bồi thường kẻ chống sạt lở	296.940.000	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	370.350.170	442.520.106
Vật tư thừa khi kiểm kê	-	7.865.576

*ĐHL*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bồi thường của người lao động	217.558.991	103.376.226
Thanh lý vật tư	131.950.000	1.200.000
Thu nhập khác	33.542.757	346.222.907
<b>Cộng</b>	<b><u>2.475.287.372</u></b>	<b><u>2.803.715.815</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.200.000
Xử lý dự án nhà chung cư sau khi đất bị thu hồi	-	3.311.158.444
Chi tiền bồi thường	58.916.785	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	12.083.247	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính	260.000.000	893.357
Xử lý công nợ nước không thu hồi được	3.318.695	11.689.863
Giá trị còn lại của Nhà văn phòng bị phá dỡ	805.249.180	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.139.567.907</u></b>	<b><u>3.324.941.664</u></b>
<b>9. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.834.947.602	1.145.100.085
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.175.726.421)	(515.295.038)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<u>(2.175.726.421)</u>	<u>(515.295.038)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.659.221.181	629.805.047
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>37.385.983</u>	<u>37.385.983</u>
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>71</u></b>	<b><u>17</u></b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do xác định lại quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 45% Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này được tính trên cơ sở trừ số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng tỷ lệ trích của năm 2021.		
<b>9b. Thông tin khác</b>		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.		
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.921.739.206	73.351.473.322
Chi phí nhân công	75.289.263.450	64.449.807.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.898.154.221	50.697.569.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.691.287.349	62.756.921.676
Chi phí khác	9.361.160.109	12.106.804.286
<b>Cộng</b>	<b><u>269.161.604.335</u></b>	<b><u>263.362.575.875</u></b>

330

TRẢ KIẾM

02

hnl

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	61.000.000	181.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	47.581.000	-	47.581.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	396.641.000	30.000.000	50.000.000	476.641.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	210.598.000	-	20.000.000	230.598.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	486.223.000	-	50.000.000	536.223.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	445.920.000	-	81.420.000	527.340.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	221.822.000	-	20.000.000	241.822.000
<b>Cộng</b>		<b>1.761.204.000</b>	<b>245.581.000</b>	<b>308.420.000</b>	<b>2.315.205.000</b>

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm trước</b>					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	61.000.000	181.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	30.129.000	-	30.129.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	319.406.000	30.000.000	50.000.000	399.406.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Trưởng BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Bà Võ Thị Thìn	Thành viên BKS	231.908.000	-	20.000.000	251.908.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	432.826.000	21.871.000	50.000.000	504.857.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	366.813.000	-	50.000.000	416.813.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	225.890.000	-	20.000.000	245.890.000
<b>Cộng</b>		<b>1.577.003.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>277.000.000</b>	<b>2.104.003.000</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lư, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
---------------------------	--------------------

UBND tỉnh Nghệ An	Cổ đông lớn
-------------------	-------------

Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	Cổ đông lớn
------------------------------------	-------------

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

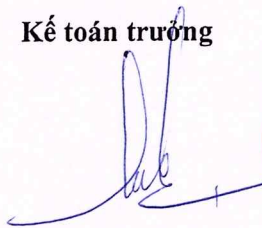
Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

